

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Hồ Phi P**, sinh năm 1988; Số định danh cá nhân/CCCD 046088009769; địa chỉ: **Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thảo N**, sinh năm 1991; Số định danh cá nhân/CCCD 046191002006; địa chỉ: **Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**; địa chỉ liên lạc: **Thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2024,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Hồ Phi P** và chị **Nguyễn Thị Thảo N**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con: Giao cháu **Hồ Nguyễn Thảo N1**, sinh ngày 13-5-2020 cho chị **Nguyễn Thị Thảo N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi cháu thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**2.2.** Về cấp dưỡng: Anh **Hồ Phi P** có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để nuôi cháu **Hồ Nguyễn Thảo N1**, kể từ khi ly hôn (tháng 6/2024) đến khi cháu thành niên.

**2.3.** Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.4.** Về án phí sơ thẩm: Anh **Hồ Phi P** tự nguyện chịu án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000856 ngày 06-5-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; anh **P** đã nộp đủ án phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- UBND xã P, Phong Điền,  
Thừa Thiên Huế;  
(ĐKKH số 73 ngày 12-6-2019)
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn HNGĐ.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Trần Văn Trường**